

QUY ĐỊNH
về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị về việc miễn, từ chức đối với cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, căn cứ, quy trình xem xét việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cán bộ).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Miễn nhiệm*” là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm do không đáp ứng được yêu cầu công việc, uy tín giảm sút, có vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức.

2. “*Từ chức*” là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. “*Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng*” là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

4. “*Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng*” là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

5. “*Cấp có thẩm quyền*” là cấp có quyền quyết định bổ nhiệm, chỉ định, phê chuẩn (chuẩn y) kết quả bầu cử, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

6. “*Tập thể lãnh đạo*” là đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng).

7. “*Cơ quan tham mưu*” là cơ quan chức năng làm công tác tổ chức cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu nêu cao trách nhiệm trong việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

3. Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

4. Khi chưa có quyết định miễn nhiệm, cho từ chức thì cán bộ vẫn phải tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Thẩm quyền

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét cho cán bộ miễn nhiệm, từ chức.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất việc cho miễn nhiệm, từ chức.

3. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Chương II

CĂN CỨ XEM XÉT MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC

Điều 5. Căn cứ xem xét miễn nhiệm

Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao.
2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm.
3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.
4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.
5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.
6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 6. Căn cứ xem xét từ chức

Việc xem xét đối với cán bộ xin từ chức được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.
2. Để cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.
3. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.
4. Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

Điều 7. Căn cứ xem xét việc miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu

Việc xem xét miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

2. Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm để xem xét cho từ chức.

3. Cho từ chức đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng.

Chương III

QUY TRÌNH XEM XÉT MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC VÀ BỔ TRÍ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ SAU KHI TỪ CHỨC

Điều 8. Quy trình xem xét miễn nhiệm, từ chức

1. Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm, từ chức, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, cho từ chức trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

Đối với các chức danh do cấp trên bổ nhiệm, chỉ định, phê chuẩn thì cấp dưới lấy phiếu đề nghị miễn nhiệm, từ chức và trình cấp trên xem xét, quyết định.

Nguyên tắc lấy phiếu: Việc xem xét miễn nhiệm, cho từ chức đối với cán bộ được thực hiện bằng phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý. Trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu xem xét, quyết định.

3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

Điều 9. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức

1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.

2. Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng cán bộ (đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên).

3. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, đơn của cán bộ xin từ chức, biên bản làm việc với cán bộ và các tài liệu khác có liên quan.

4. Biên bản hội nghị và biên bản kiểm phiếu.

Điều 10. Việc bố trí công tác đối với cán bộ sau khi từ chức

1. Cán bộ sau khi từ chức nếu có nguyện vọng tiếp tục công tác thì cấp có thẩm quyền có thể căn cứ vào năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để xem xét, bố trí công tác phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Cán bộ đã từ chức và bố trí công tác khác, nếu được cấp có thẩm quyền đánh giá tốt, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và khắc phục được những yếu kém, sai phạm, khuyết điểm thì có thể được xem xét để quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy trực thuộc tỉnh, cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy định này; cụ thể hoá phù hợp với từng cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp và không trái với Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các đơn vị có ý kiến gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) để xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tổng hợp các kiến nghị của các đơn vị liên quan đến Quy định này, báo cáo đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 713-QĐ/TU ngày 11/02/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các đ/c TUV;
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh;
- Các ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh, Báo Đồng Nai;
- Các BCS đảng, đảng đoàn và BTV Tỉnh đoàn;
- Các sở, ban, ngành và tương đương;
- Các Tổng Công ty, DNNN trực thuộc tỉnh;
- CP.VPTU-T, P;
- Lưu VPTU.

Đồng kính gửi:

- Bộ Chính trị (báo cáo);
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo);

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Hồ Thanh Sơn